TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 9 năm 2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Văn Giang.
Bà Nguyễn Văn Hoàng.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Châu Sơn Ca – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 285/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 430/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà L T T; Sinh năm: 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp XL, xã HTK, huyện PT, tỉnh CM.

- Bị đơn: Ông T V N; Sinh năm: 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Cái Đôi Nhỏ B, xã N V K, huyện PT, tỉnh CM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 08 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà L T T trình bày:

Về hôn nhân: Bà L T T và ông T V N kết hôn ngày 13/12/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N V K, huyện PT, tỉnh CM (Giấy chứng nhận kết hôn số 127, ngày 13/12/2016). Quá trình sống chung, thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau L T T và T V N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà đã ly thân từ tháng 01 năm 2019 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do mâu thuẫn đã trầm trọng. L T T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T V N.

Về con chung: Bà L T T xác định bà và ông T V N có một người con chung tên T T T, sinh ngày 25/5/2017 (Giới tính Nam). Hiện con do ông T V N nuôi dưỡng. Khi ly

hôn, bà yêu cầu tiếp tục giao con cho ông T V N nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T V N trình bày:

- Về hôn nhân: T V N thừa nhận ông và L T T sống chung với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn như L T T trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nay L T T yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn với L T T.

- Về con chung: Có 01 người con chung như L T T trình bày. Khi ly hôn, T V N yêu cầu được nuôi con tên T T T, sinh ngày 25/5/2017 (Giới tính Nam), không yêu cầu L T T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: T V N thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: T V N thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L T T cho L T T được ly hôn với ông T V N. Giao con chung tên T T T, sinh ngày 25/5/2017 (Giới tính Nam) cho ông T V N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. L T T không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa bà L T T và ông T V N được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Ông T V N là bị đơn có nơi cư trú tại xã N V K, huyện PT, tỉnh CM nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án bà L T T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà L T T.

[3] Về hôn nhân: Bà L T T và ông T V N sống chung với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N V K, huyện PT, tỉnh CM theo giấy chứng nhận kết hôn số 127 ngày 13/12/2016 nên hôn nhân của bà L T T và ông T V N là hợp pháp. Tại bản tự khai của bà L T T xác định quá trình chung sống vợ, chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T V N. Tại phiên Tòa, ông T V N cũng thừa nhận đời sống vợ chồng có nhiều mẫu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn với L T T. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân của bà L T T và

ông T V N đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà L T T được ly với ông Tô Tấn Nghĩa.

[4] Về con chung: Bà L T T và ông T V N đều xác định hai người sống chung với nhau có 01 người con chung tên T T T, sinh ngày 25/5/2017 (Giới tính Nam). Hiện con do ông T V N nuôi dưỡng. Tại phiên tòa. T V N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà L T T cấp dưỡng. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 05 tháng 8 năm 2022 L T T yêu cầu khi ly hôn giao con chung tên T T T cho T V N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con; tại bản tự khai ngày 05/8/2022, T T T trình bày khi cha, mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng sống chung với cha là ông T V N. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp về nuôi con chung, người con chung tên T T T có nguyện vọng sống chung với cha. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà L T T, giao con chung tên T T T, sinh ngày 25/5/2017 (Giới tính Nam) cho T V N nuôi dưỡng, L T T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình bà L T T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà L T T với ông T V N.

2. Về con chung: Giao con chung tên T T T, sinh ngày 25/5/2017 (Giới tính Nam) cho ông T V N nuôi dưỡng, bà L T T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà L T T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Ngày 05 tháng 8 năm 2022, bà L T T đã nộp tiền tạm ứng án phí

là 300.000đ theo biên lai số 0018154 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu khi bản án có hiệu lực, pháp luật.

Ông T V N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà L T T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- UBND xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Nguyễn Văn Bình